

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2023/DS-PT
Ngày 02 tháng 8 năm 2023
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Hưng, ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 141/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023; tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2023/DS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 183/2023/QĐXXPT-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1960, nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước H1, sinh năm 1979, nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trịnh Văn Qu, sinh năm 1976, nơi cư trú: khóm M, phường V, thành phố Đ, tỉnh An Giang. (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1980, nơi cư trú: khóm M, phường V, thành phố Đ, tỉnh An Giang. (có mặt)

4. *Người làm chứng:*

4.1 Ông Lê Văn Ngh, sinh năm 1978; nơi cư trú: khóm H, phường V, thành phố Đ, tỉnh An Giang. (có mặt)

4.2 Ông Đặng Ái V, sinh ngày 01/5/1975; nơi cư trú: ấp M, xã Đ, huyện C,

tỉnh An Giang. (có mặt)

3. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1971; nơi cư trú: tổ 13, khóm M, phường V, thành phố Đ, tỉnh An Giang. (đơn xin vắng mặt)

Người kháng cáo: Ông Trịnh Văn Qu là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Ngày 09/11/2019, ông Nguyễn Thanh H có cho ông Trịnh Văn Qu vay 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để sửa nhà, có lập biên nhận nợ. Quá trình vay, ông Qu đóng lãi được 12 tháng với số tiền 36.000.000 đồng và ngày 09/11/2020, có trả được vốn gốc 20.000.000 đồng nên còn nợ lại vốn gốc là 80.000.000 đồng thì ngưng trả vốn và lãi cho đến nay. Ông H nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông Qu không thực hiện. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu ông Qu trả số vốn vay 80.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ tháng 12/2020 cho đến khi xét xử xong.

Ngoài ra, ông H còn trình bày: ngày 08/11/2019, ông H có cho vợ chồng ông Qu vay 200.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, có lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Công T, có lập biên nhận vay. Đối với khoản vay này vợ chồng ông Qu đã trả xong.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H có lời khai bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Bà Nguyễn Thị Kim Th (vợ ông Qu) cùng có trách nhiệm liên đới trả số nợ 80.000.000 đồng nêu trên. Đồng thời, ông H còn trình bày không có cho ông Đặng Ái V và ông Lê Văn Ngh vay tiền.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trịnh Văn Qu trình bày: Tháng 9/2019, do cần tiền để chi trả cho việc cất nhà còn thiếu nên vợ chồng ông Qu định thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là GCNQSDĐ) để vay 200.000.000 đồng của ông H, lãi suất 1%/tháng. Do vào thời điểm đó, GCNQSDĐ đang thế chấp tại Ngân hàng Sacombank CĐ nên ngày 09/11/2019, ông Qu đã ứng trước của ông H 100.000.000 đồng, mục đích để trả nợ cho Ngân hàng và rút GCNQSDĐ ra giao lại cho ông H. Khi nhận 100.000.000 đồng này, ông Qu đã viết biên nhận theo yêu cầu của ông H, chỉ có ông Qu viết nên bà Th cũng không biết việc này. Trong cùng ngày, sau khi trả nợ Ngân hàng, vợ chồng ông Qu đến Văn phòng công chứng để ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với ông H, sau khi làm hồ sơ xong, ông H đã giao thêm 100.000.000 đồng nên tổng cộng ông Qu vay của ông H 200.000.000 đồng.

Khoảng 03 tháng sau, ông Qu có yêu cầu ông H trả lại biên nhận vay 100.000.000 đồng ngày 09/11/2019 nhưng ông H không trả. Khoảng 15 tháng sau, bà Nguyễn Thị Kim Thu (vợ ông Qu) mang 200.000.000 đồng trả nợ cho ông H và nhận lại GCNQSDĐ nhưng ông H không trả biên nhận ngày 09/11/2019 và do

bà Th không biết có biên nhận này nên cũng không yêu cầu nhận lại.

Do đó, ông Qu đã trả dứt nợ cho ông H, nay ông H mang Biên nhận ngày 09/11/2019 để khởi kiện thì ông Qu không đồng ý.

Ngoài ra, sau khi vay tiền của ông H, ông Qu còn giới thiệu để ông Đặng Ái V và ông Lê Văn Ngh vay tiền của ông H. ông Ái Quốc vay 50.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, trả được 20.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng, ông Ngh vay 50.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Đôi khi, ông Ái Quốc và ông Ngh chậm đóng lãi thì ông H điện thoại nhắc ông Qu để nhờ nhắc 02 ông kia đóng lãi đúng hạn, ông Qu không hưởng lợi từ việc giới thiệu này.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Kim Th trình bày: Thống nhất như nội dung trình bày của ông Qu về việc vợ chồng bà Th có vay của ông H số tiền 200.000.000 đồng với hình thức thế chấp quyền sử dụng đất, khi ông Qu nhận trước 100.000.000 đồng có lập biên nhận hay không thì bà Th không biết. Sau đó, bà Th đã trực tiếp đến nhà trả cho ông H 200.000.000 đồng nên không còn nợ ông H, nguồn tiền trả nợ là do mượn của di bà Th. Do đó, bà Th không đồng ý với việc ông H yêu cầu bà Th có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Đặng Ái V trình bày: giữa ông Ái Quốc và ông Trịnh Văn Qu có mối quan hệ bạn bè, khoảng tháng 4/2018, do ông Qu giới thiệu nên ông Ái Quốc vay của ông H số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, không có lập biên nhận hay thế chấp, đóng lãi được 18 tháng và trả được vốn gốc 20.000.000 đồng, còn nợ lại 30.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Việc ông H cho ông Qu vay 100.000.000 đồng thì ông Ái Quốc không rõ.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Lê Văn Ngh trình bày: giữa ông Ngh và ông Qu có mối quan hệ bạn bè, khoảng giữa năm 2018, do ông Qu giới thiệu nên ông Ngh có vay của ông H số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, có lập biên nhận do ông H giữ, ông Ngh đóng lãi từ khi vay đến khoảng 5 tháng nay thì ngưng, chưa trả vốn gốc. Việc ông H cho ông Qu vay 100.000.000 đồng thì ông Ngh không rõ.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng bà Nguyễn Thị D trình bày: bà Th có mối quan hệ là cháu ruột của bà D. Bà D không nhớ rõ cụ thể thời gian nhưng nhớ vào thời điểm dịch bệnh covid 19, bà D có cho bà Th vay 200.000.000 đồng để trả nợ cho ông H, do là di cháu nên bà không có lấy lãi, không lập biên nhận và không thỏa thuận thời hạn trả. Hiện nay bà Th vẫn còn nợ bà D số tiền 200.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 14/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ đã xử:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trịnh Văn Qu có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền vốn và lãi suất: 93.807.000 (chín mươi ba triệu tám trăm lẻ bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp yêu cầu của ông Nguyễn Thanh H về việc buộc Bà Nguyễn Thị Kim Th có trách nhiệm liên đới trả nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh H là người cao tuổi (sinh năm 1960), có đơn yêu cầu miễn nộp tạm ứng án phí và yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trịnh Văn Qu phải chịu 4.690.000 (*bốn triệu sáu trăm chín mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 25/4/2023, bị đơn ông Trịnh Văn Qu có đơn kháng cáo, cho rằng ông H cố tình vắng mặt không chịu đối chất; ông Lê Văn Ngh, Đặng Ái V thừa nhận nợ 80.000.000đ và đồng ý trả cho ông H, nhưng không được Tòa án chấp nhận; biên nhận ngày 09/11/2019 ông đã trả hết cho ông H, ông không còn nợ ông H;

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và cam kết không cung cấp chứng cứ mới tại giai đoạn phúc thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, qua trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không có chứng cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo của mình; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn ông Qu nộp đơn kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: nguyên đơn ủy quyền hợp pháp; các đương sự có mặt; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung;

[3] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trịnh Văn Qu thì thấy, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H cho rằng ngày 09/11/2019, có cho ông Trịnh Văn Qu vay 100.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, có lập Biên nhận vay; quá trình vay, ông Qu trả được 20.000.000 đồng và đóng lãi được 36.000.000 đồng thì ngưng; ông H khởi kiện yêu cầu ông Qu trả số nợ vay 80.000.000 đồng. Theo lời khai của bị đơn ông Qu cho rằng chỉ vay của ông H 200.000.000 đồng, có lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất. Đối với số tiền 100.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 09/11/2019 là do ông Qu ứng trước của ông H, ngày 09/11/2019 để đi trả nợ Ngân hàng Sacombank Đ và rút GCNQSDĐ, cùng ngày này sau khi ký hợp đồng thế chấp và giao GCNQSDĐ lại cho ông H thì ông H đã giao cho vợ chồng ông Qu thêm 100.000.000 đồng là đủ số tiền vay 200.000.000 đồng.

[3.1] Tòa án tiến hành xác minh và được Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) – chi nhánh An Giang – phòng giao dịch Đ cung cấp như sau: *“Ngày 08/11/2019, ông Trịnh Văn Qu và Bà Nguyễn Thị Kim Th đã tắt toán hợp đồng vay và đã nhận lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”*.

Bên cạnh đó, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông H với ông Qu, bà Th được ký kết vào ngày 08/11/2019 và được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Công T cũng vào ngày 08/11/2019. Đồng thời, theo Biên nhận ngày 08/11/2019, thể hiện các bên đã thực hiện việc giao nhận số tiền 200.000.000 đồng và tại mục “BÊN NHẬN TIỀN” có chữ ký, chữ viết họ và tên của ông Qu, bà Th.

[3.2] Ngày 08/11/2019, giữa ông H với ông Qu, bà Th đã giao kết và thực hiện hợp đồng vay 200.000.000 đồng. Vì vậy, lời khai của ông Qu về việc ứng trước 100.000.000 đồng ngày 09/11/2019 từ khoản vay 200.000.000 đồng là mâu thuẫn với ngày tắt toán ở Ngân hàng ngày 08/11/2019 và mâu thuẫn với chính lời khai của ông Qu (vì tiền ứng trước để trả Ngân hàng không thể sau ngày tắt toán ngân hàng).

Mặt khác, ông Qu cho rằng Biên nhận ngày 09/11/2019 là do ông H đọc cho ông Qu ghi, nên ông Qu không biết thực chất đó là ngày 08/11/2019. Xét thấy, ông Qu đi tắt toán nợ ngân hàng và ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tại các văn bản nêu trên đều có ghi ngày 08/11/2019 nên lời khai trên của ông Qu là không hợp lý, mâu thuẫn.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Qu khẳng định có làm biên nhận ngày 09/11/2019, chính ông Qu ghi biên nhận và trực tiếp nhận số tiền 100.000.000đ từ

ông H; nhưng ông Qu nại ra rằng sau khi vợ ông bà Th trả số tiền 200.000.000đ; không biết có biên nhận này; sau đó ông Qu đòi nhiều lần nhưng ông H không chịu trả biên nhận ngày 09/11/2019 lại cho ông Qu;

Hội đồng xét xử, xét thấy ông Qu thừa nhận có nhận số tiền 100.000.000đ; còn ông Qu cho rằng đã trả nợ xong, không được ông H thừa nhận, nên nghĩa vụ chứng minh là của ông Qu; ông Qu không đưa ra được chứng cứ mới; cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ;

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Quphải chịu theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1điều 148; điều296 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trịnh Văn Qu;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DSST ngày 14/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trịnh Văn Qu có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền vốn và lãi suất là 93.807.000 (chín mươi ba triệu tám trăm lẻ bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp yêu cầu của ông Nguyễn Thanh H về việc buộc Bà Nguyễn Thị Kim Th có trách nhiệm liên đới trả nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Văn Qu phải chịu 4.690.000 (bốn triệu sáu trăm chín mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; ông Nguyễn Thanh H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trịnh Văn Qu phải chịu 300.000đ, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003231 ngày 25/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Tòa Dân sự (2)
- Văn phòng (1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đường sự “ Để thi hành ”
- Lưu: HS.

Nguyễn Văn Sơn